

Đặc điểm hoạt động của ngành may mặc Việt Nam trong điều kiện cuộc cách mạng 4.0 ảnh hưởng đến kiểm soát nội bộ

Đỗ Thị Thành

Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên

Bài viết tập trung phân tích những đặc điểm riêng của ngành may mặc Việt Nam trong điều kiện cuộc cách mạng 4.0 có ảnh hưởng đến kiểm soát nội bộ. Qua đó giúp doanh nghiệp thiết kế và vận hành KSNB phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp trong điều kiện cuộc cách mạng 4.0.

1. Bối cảnh

KSNB là hệ thống các quy trình, chính sách và thủ tục kiểm soát do các đơn vị tự thiết kế và vận hành để giúp các nhà quản lý đạt được các mục tiêu bảo vệ tài sản; đảm bảo độ tin cậy của thông tin; đảm bảo tuân thủ pháp luật và các quy định liên quan; đảm bảo hiệu quả hoạt động và năng lực quản lý. Vì vậy việc xây dựng và áp dụng KSNB có hiệu quả trong các đơn vị trở thành nhiệm vụ trọng tâm. Trong khi đa số các doanh nghiệp may mặc Việt Nam chưa có những chính sách, thủ tục KSNB riêng phù hợp với đặc thù hoạt động nên dẫn tới hiệu quả hoạt động không cao. Trong xu thế hội nhập kinh tế thế giới, đặc biệt trong điều kiện cuộc cách mạng 4.0, cạnh tranh và rủi ro ngày càng gia tăng ảnh hưởng mạnh đến khả năng đạt được mục tiêu của nhà quản lý. Vì vậy các doanh nghiệp may mặc Việt Nam muốn tồn tại và phát triển cần phải quan tâm đến việc thiết kế và vận hành KSNB cho phù hợp với đặc điểm hoạt động của ngành để KSNB thực sự hoạt động hữu hiệu nhằm đạt được mục tiêu của nhà quản lý đạt ra.

2. Thực trạng

Mối liên kết giữa ngành may mặc với ngành dệt và các ngành phụ trợ còn chưa chặt chẽ do sản phẩm dệt chất lượng còn chưa tốt, màu má thì nghèo nàn, màu sắc và kích cỡ không đồng đều, chưa theo kịp với thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước và giá cả thì cao nên khó cạnh tranh với hàng dệt của Trung Quốc, Hàn Quốc,... Chính vì vậy tỷ lệ nội địa của sản phẩm may mặc Việt Nam vẫn còn thấp. Cán cân thương mại về dệt may của Việt Nam vẫn chưa cân bằng do một số năm lượng dệt may nhập khẩu còn lớn hơn cả lượng dệt may xuất khẩu. Chính điều này đã làm cho các yếu tố đầu vào của ngành may mặc phụ thuộc phần lớn vào ngành công nghiệp phụ trợ may mặc của các nước phát triển hơn như Hàn Quốc,

Trung Quốc,... tác động đến nhận thức của nhà quản lý các doanh nghiệp may mặc Việt Nam trong việc thiết kế và vận hành các thủ tục kiểm soát nhằm kiểm soát tốt nguồn cung.

Đặc điểm phương thức sản xuất của các doanh nghiệp may chủ yếu là may gia công đơn thuần. Cho nên các doanh nghiệp may mặc bị chi phối mạnh mẽ cả đầu vào và đầu ra từ các nhà cung cấp và tiêu thụ nước ngoài. Vậy doanh nghiệp chỉ còn cách duy nhất là chủ động kiểm soát và quản lý tốt khâu sản xuất. Bên cạnh đó, do năng lực tài chính còn hạn chế nên nhiều doanh nghiệp may mặc Việt Nam chưa thể tiếp cận trực tiếp với các nhà bán lẻ lớn mà chủ yếu các doanh nghiệp vẫn thực hiện may gia công thông qua các trung gian nên doanh nghiệp vừa phải đối mặt với rủi ro kinh doanh và rủi ro trong thanh toán. Chính điều này đã buộc doanh nghiệp phải quan tâm đến việc xây dựng các chính sách và thủ tục nhằm đánh giá khách hàng và phương thức thanh toán để giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp.

Đặc điểm về lao động:

Bảng 1. Cơ cấu lao động trong các doanh nghiệp may mặc Việt Nam

Năm	Tổng số lao động	Trong đó lao động nữ	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
2015	1.426.250	1.147.377	80,45
2016	1.424.292	1.138.173	79,91
2017	1.466.062	1.165.631	79,51

Nguồn: Tổng cục thống kê

Hàng năm các doanh nghiệp may mặc đã tạo công ăn việc làm cho hơn 1,4 triệu người. Do đặc thù của ngành may mặc đòi hỏi sự khéo léo và tỉ mỉ nên đa số lao động trong doanh nghiệp là nữ giới có trình độ chuyên môn không cao dẫn tới thu nhập bình quân thấp. Đối với ngành May, xu thế sử dụng robot hoặc các thiết bị tự động hóa cho các khâu kỹ thuật khó hoặc các bước công việc lặp đi lặp lại đang được quan tâm. Sử dụng robot trong khâu trải vải, cắt có thể giúp giảm tới 80% lao động, tiết kiệm được 3% nguyên vật

liệu; trong các công đoạn khó như bố túi, tra tay, vào cổ... sử dụng thiết bị, robot tự động sẽ làm giảm đáng kể số lao động. Chính điều này đã ảnh hưởng đến sự thiết kế và vận hành của KSNB. Nếu như trước kia nhà quản lý cần đưa ra chính sách nhân sự nhằm thu hút và giữ chân những lao động có tay nghề lại doanh nghiệp thì Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mang đến những cơ hội công việc mới, đòi hỏi đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và nhân lực vận hành có qua đào tạo nhiều hơn. Do đó, từ nay đến năm 2030, sẽ cần thay đổi phương thức đào tạo, cùng như có chiến lược trong việc phát triển đội ngũ nhân lực đáp ứng nhu cầu mới

- Hiệu quả kinh doanh còn thấp: Mặc dù kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam trong những năm gần đây ngày càng tăng nhưng do các doanh nghiệp may mặc của Việt Nam chủ yếu tham gia vào khâu may gia công gián đơn nên giá trị gia tăng mang lại cho Việt Nam là không đáng kể dẫn đến hiệu quả kinh doanh không cao nên hệ quả của vấn đề này là thu nhập bình quân đầu người của người lao động cũng không cao và các khoản đóng góp vào ngân sách cũng không nhiều do tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu rất thấp. Để giải quyết được vấn đề này đòi hỏi các doanh nghiệp may phải có kế hoạch truyền thông và phân tích thị trường để phát triển doanh nghiệp theo hướng đi sâu hơn vào chuỗi giá trị dệt may toàn cầu bằng cách thực hiện các công đoạn khó hơn nữa để tạo ra giá trị gia tăng lớn hơn. Cuộc cách mạng 4.0 sẽ tạo ra những cơ hội mới cho các doanh nghiệp may mặc bằng việc sẽ sử dụng thiết bị hoặc robot tự động để thay thế cho con người vì vậy sẽ giúp doanh nghiệp giảm chi phí nhân công và tăng năng suất lao động.

- Đặc điểm về quy mô doanh nghiệp

Bảng 2. Phân loại doanh nghiệp may mặc Việt Nam theo quy mô lao động

Năm	Tổng số DN	Dưới 100 người trở xuống		Từ 100 đến dưới 500 người		Từ 500 đến dưới 1000 người		Trên 1000 người trở lên	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2014	5.998	4.768	79,49	287	4,78	356	5,94	979	16,29
2016	6.461	5.170	80,02	299	4,63	395	6,11	597	9,24
2017	6.871	5.530	81,21	292	4,25	398	5,79	601	8,75

Nguồn: Tổng cục thống kê

Quy mô các doanh nghiệp may mặc ngày càng tăng nhưng tỷ ngành may mặc đang trên đà phát triển. Tính đến hết năm 2017, số lượng các doanh nghiệp may mặc Việt Nam là 6.871 doanh nghiệp, chủ yếu là các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ chiếm 81,21%. Trong khi đó, số lượng các doanh nghiệp quy mô lớn chỉ chiếm 18,79%. Bảng 2 cho thấy trong ba năm qua số lượng các doanh nghiệp may mặc liên tục tăng lên, tuy nhiên tốc độ tăng về số lượng các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ nhiều hơn tốc độ tăng về số lượng các doanh nghiệp có quy mô lớn. Chính điều này đã tạo ra sự cạnh tranh mạnh mẽ trong chính các doanh nghiệp may mặc của Việt Nam. Hầu hết các doanh nghiệp may mặc thành lập đều có quy mô vừa và nhỏ hạn chế về năng lực tài chính nên khó tiếp cận với hệ

thống quản lý và kiểm soát hiện đại trên thế giới. Nền không đủ điều kiện để thực hiện các công đoạn phức tạp trong chuỗi mà chỉ thực hiện được công đoạn gia công gián đơn. Chính vì vậy nhiều nhà quản lý cũng chưa coi trọng việc xây dựng và thiết kế hệ thống kiểm soát nội bộ với đầy đủ các thành phần theo Coso.

- Đặc điểm về hình thức sở hữu:

Bảng 3. Phân loại doanh nghiệp may mặc tại Việt Nam theo hình thức sở hữu

Năm	Tổng số DN	DNN		FDI		Liên doanh		Người nhà nước	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2014	5998	37	0,62	778	12,97	41	0,68	1.146	19,10
2016	6461	23	0,36	810	12,54	44	0,68	874	13,53
2017	6871	21	0,31	878	12,78	48	0,70	574	8,36

Nguồn: Tổng cục thống kê

Theo số liệu các nhóm doanh nghiệp từ năm 2015 đến năm 2017 được thể hiện ở Bảng 3 cho thấy hình thức sở hữu chủ yếu là sở hữu tư nhân chiếm trên 85%, các doanh nghiệp FDI chiếm trên 12% còn lại là doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp liên doanh chiếm tỷ lệ rất thấp. Do số lượng các doanh nghiệp may mặc tuy nhiều nhưng chủ yếu là sở hữu tư nhân hoạt động bằng nguồn vốn tự có nên họ có quyền tự chủ trong sản xuất và xây dựng hoạt động KSNB dựa trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật liên quan. Với quan điểm tiết kiệm chi phí nên nhiều nhà quản lý thiết kế và vận hành các hệ thống kiểm soát chưa đầy đủ, cơ cấu các bộ phận chưa phù hợp vẫn còn kiểm nhiệm quá nhiều. Bên cạnh đó, Thách thức với các doanh nghiệp may mặc Việt Nam trong điều kiện cuộc cách mạng 4.0 lúc này là vấn đề tài chính vì đa phần các doanh nghiệp may mặc Việt Nam có quy mô vừa và nhỏ rất khó có đủ nguồn lực tài chính để đầu tư máy móc hiện đại. Chính vì vậy đòi hỏi các nhà quản lý cần quan tâm đến các chính sách nhằm huy động nguồn tài chính để dần tiếp cận với công nghệ hiện đại. Các doanh nghiệp may mặc cũng cần tập trung khai thác hiệu quả năng lực sản xuất hiện có để tăng tích lũy, chuẩn bị nguồn lực cho đời mới công nghệ. Chuyển dần từng bước sang xu hướng khai thác thị trường nội địa.

3. Những vấn đề đặt ra đối với quản lý và sự cần thiết phải hoàn thiện KSNB của các doanh nghiệp may mặc Việt Nam trong điều kiện cuộc cách mạng 4.0

Trước xu thế phát triển mới của nền kinh tế thế giới, khi cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 bắt đầu diễn ra, với trình độ tự động hóa cao, sử dụng robot, ngành may mặc Việt Nam tất yếu sẽ giảm đáng kể số lao động trực tiếp, đặc biệt việc liên kết dữ liệu giữa các thiết bị sản xuất sẽ giúp ngành may mặc tăng năng suất lao động thoát khỏi bẫy dùng nhiều lao động nhưng lương không cao, lao động không ổn định. Vì vậy nhà quản lý cần có chính sách tuyển dụng và đào tạo lao động theo hướng vận hành được các máy móc hiện đại.

Để có thể tồn tại và cạnh tranh được với các đối thủ

trước cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, ngành may mặc Việt Nam trước tiên buộc phải đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động. Cụ thể là phải đầu tư tiếp cận công nghệ hàng đầu của thế giới, giảm lượng lao động trên một sản phẩm. Ngoài ra, xu thế của chuỗi cung ứng toàn cầu hiện nay là quan tâm đến sản xuất sạch, sản xuất bền vững, bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội... cũng đòi hỏi các doanh nghiệp may mặc Việt Nam phải đầu tư, đổi mới công nghệ. Như vậy, cơ hội mà Cách mạng công nghiệp 4.0 đem lại cho ngành may mặc Việt Nam khá rõ rệt, thế nhưng đầu tư công nghệ theo hướng 4.0 đòi hỏi vốn lớn, lại phải trả cho chi phí đầu tư cao. Thực tế này đặt ra không ít khó khăn cho doanh nghiệp dệt may Việt Nam, vốn chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiềm lực kinh tế thấp.

Đối với ngành May, xu thế sử dụng robot hoặc các thiết bị tự động hóa cho các khâu kỹ thuật khó hoặc các bước công việc lặp đi lặp lại đang được quan tâm. Sử dụng robot trong khâu trái vải, cắt có thể giúp giảm tới 80% lao động, tiết kiệm được 3% nguyên vật liệu; trong các công đoạn khó như bó túi, tra tay, vào cổ... sử dụng thiết bị, robot tự động sẽ làm giảm đáng kể số lao động. Chính điều này đã ảnh hưởng đến sự thiết kế và vận hành của KSNB.

4. Giải pháp

Các cơ quan quản lý nhà nước cần nâng cao trình độ quản lý và tốc độ ra quyết định... Có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực có khả năng từng bước nắm vững công nghệ thông tin, an ninh mạng và những công nghệ đột phá như trí tuệ nhân tạo, robot, internet kết nối mọi thứ, công nghệ in 3D...

Đối với doanh nghiệp, cần tìm hiểu kỹ về Cách mạng công nghiệp 4.0 và khả năng tác động của nó đến ngành Dệt may, một ngành sản xuất hàng hóa theo xu hướng thời trang, thị hiếu, thời tiết, vùng miền, tôn giáo, sản phẩm nhiều đẳng cấp; Xác định các công việc trong dây chuyền sản xuất của doanh nghiệp có thể tự động hóa theo phương châm "không tự động hóa bằng mọi giá" để vừa áp dụng tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động vừa quan tâm sử dụng nguồn lao động dồi dào của Việt Nam.

Đồng thời, doanh nghiệp may mặc Việt Nam cũng cần chuẩn bị nguồn lực để có thể từng bước hiện đại hóa các khâu đã lựa chọn; Nâng cao trình độ cán bộ quản lý kỹ thuật, công nghệ. Xây dựng thương hiệu, áp dụng công nghệ in 3D trong thiết kế thời trang, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đơn lẻ của khách hàng; Liên kết với đối tác, khách hàng để nắm bắt xu hướng, nhu cầu đối với các loại sản phẩm có nguy cơ di chuyển sản xuất về lại thị trường đang tiêu thụ; Tập trung khai thác hiệu quả năng lực sản xuất hiện có để tăng tích lũy, chuẩn bị nguồn lực cho đổi mới công nghệ. Chuyển dần từng bước sang xu hướng khai thác thị trường nội địa...

5. Kết luận

Như vậy, trên cơ sở nhìn nhận những cơ hội và thách thức, cùng với việc phân tích những quan điểm, định hướng và các mục tiêu trong chiến lược phát triển ngành may mặc Việt Nam cho thấy hàng loạt vấn đề đặt ra đối với các doanh nghiệp may mặc Việt Nam. Để tồn tại trong môi trường cạnh tranh khốc liệt, có được thành công trong kinh doanh, gắn liền với mục tiêu tăng trưởng với hiệu quả và phát triển bền vững, hướng đi đúng đắn cho doanh nghiệp trong những năm tới là đổi mới công nghệ và thay đổi mô hình sản xuất từ OEM sang OBM, thâm nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị để may toàn cầu. Trước những yêu cầu đặt ra trên chúng tôi việc hoàn thiện các yếu tố cấu thành KSNB trong các doanh nghiệp may mặc trên tinh thần đáp ứng các yêu cầu về hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh đó, cuộc cách mạng 4.0 mang đến nhiều cơ hội mới cùng với đó là những thách thức cho ngành may mặc, đó là người máy (robot), trí tuệ nhân tạo sẽ thay thế sức lao động của con người; hoạt động sản xuất, chế tạo trong tương lai sẽ tập trung tại các nước công nghiệp phát triển. Chính vì vậy đòi hỏi các doanh nghiệp cần có nhận thức đúng, tìm hiểu kỹ về công nghiệp 4.0, sự tác động của nó đến ngành dệt may bằng cái nhìn thực tế, khách quan phù hợp với đặc điểm của một ngành sản xuất hàng hóa theo xu hướng thời trang, thị hiếu, thời tiết, vùng miền, tôn giáo, sản phẩm nhiều đẳng cấp với giá cả hợp lý để có hướng thiết kế và vận hành KSNB cho phù hợp với thời đại 4.0/.

Tài liệu tham khảo

- Công ty cổ phần Chứng khoán FPT (2018), "Báo cáo ngành Dệt may".
- Tổng cục thống kê (2017), thực trạng doanh nghiệp qua kết quả điều tra các năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, NXB Thống kê, Hà Nội
- Hội thảo của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex) về "Ngành Dệt May Việt Nam trong bối cảnh cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0"
- Lê Thanh Thủy (2019), Ngành dệt may trong xu thế cách mạng công nghiệp 4.0, tạp chí tài chính kỳ 1 tháng 8/2019